

QUẢN LÝ TIỀN TỆ CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ SỐ

PGS.TS. Đinh Xuân Hạng

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: dxhang@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 17/02/2025

Ngày nhận bản sửa: 22/02/2025

Ngày duyệt đăng: 24/02/2025

Tóm tắt

Phát triển nền kinh tế số là một xu thế trở thành hiện thực của mọi quốc gia trên thế giới. Tùy theo điều kiện của mỗi nước và trong từng giai đoạn, trình độ phát triển kinh tế số không giống nhau. Một điểm chung cho tất cả các nước bước vào phát triển nền kinh tế số là sự tác động mạnh mẽ, nhanh chóng và toàn diện đến sự phát triển nền kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng. Đó là việc phát hành và lưu thông các loại tiền ngày càng đa dạng, dẫn đến những sự tác động, nội dung quản lý tiền tệ và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương (NHTW) cần có sự thay đổi cho hợp lý và hiệu quả hơn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng nằm trong xu hướng chung đó, bằng việc tham mưu cho Chính phủ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia theo sự biến động của tiền tệ trong khu vực và trên thế giới.

Từ khóa: Nền kinh tế số, tiền tệ truyền thống, tiền số do NHTW phát hành, bitcoin, nội dung quản lý tiền tệ của NHTW.

Central Bank Currency Management in the Context of Digital Economic Development

Assoc. Prof., Dr. Dinh Xuan Hang

Hoa Binh University

Corresponding Author: dxhang@daihochoabinh.edu.vn

Abstract

The development of a digital economy is an emerging trend that is becoming a reality for countries worldwide. The level of digital economy development varies depending each nation's circumstances and stage of growth. A common point for all countries entering the development of the digital economy is the strong, rapid and comprehensive impact on socio-economic development. In the field of money - banking is considered the most profound and wide transformation. The issuance and circulation of currencies is increasingly diversified, leading to changes in the content of monetary management and monetary policy of the central bank more rational and efficient. The State Bank of Vietnam (SBV) is also in that general trend. By advising the Government on the issuance of monetary policy and timely implementation of such policies according to the fluctuations of currency in the region and in the world.

Keywords: Digital economy, traditional currency, digital currency issued by the Central Bank, Bitcoin, Central Bank Money Management Content.

1. Mở đầu

Phát triển nền kinh tế số là tiền đề cho việc phát hành và lưu thông nhiều loại tiền, phục vụ cho các giao dịch, thanh toán

trong phạm vi một quốc gia và quốc tế. Việc xây dựng chính sách tiền tệ và tổ chức lưu thông tiền tệ của NHTW là “đầu não” để điều hành nền kinh tế trong bất cứ chế

độ lưu thông tiền tệ nào. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế số, chức năng và vai trò của NHTW càng trở nên quan trọng.

2. Các loại tiền lưu thông trong nền kinh tế số

Khi nền kinh tế các nước thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, lưu thông các tiền tệ ngày càng đa dạng, cụ thể bao gồm: tiền tệ truyền thống, tiền số do NHTW phát hành, bitcoin,...

2.1. Tiền tệ truyền thống

Tiền tệ truyền thống phát sinh từ rất lâu, khi mới bắt đầu có nền sản xuất và trao đổi hàng hóa. Lúc đầu là tiền bằng hàng hóa thông thường, tiền bằng kim loại kém giá (đồng, chì, nhôm,...), tiền giấy trong các triều đại phong kiến, tiền vàng, bạc trong “chế độ bản vị vàng” đầu thế kỷ 19. Từ khi hình thành các ngân hàng thương mại (NHTM) (thế kỷ 17) và hệ thống ngân hàng 2 cấp (NHTW và các NHTM từ đầu thế kỷ 19) cho đến ngày nay là giấy bạc ngân hàng (NH), tiền đúc bằng kim loại và tiền chuyển khoản, trong đó, giấy bạc NH và tiền đúc bằng kim loại do NHTW của các nước độc quyền phát hành vào lưu thông, tiền chuyển khoản do các chủ thể (NHTW, NHTM, người gửi tiền và người vay tiền) tạo ra. Hiện nay, mặc dù đã có tiền kỹ thuật số ra đời, nhưng tiền tệ truyền thống vẫn là loại tiền chủ yếu trong lưu thông (Hạng & Bầy, 2015).

2.2. Tiền số/ tiền mã hóa của NHTW

Tiền số của NHTW (Central Bank Digital Currency - CBDC) không phải là một loại tiền mới. Loại tiền này đã tồn tại trong vài thập niên qua, hình thức phổ biến nhất của CBDC là số dư (thường được gọi là “dự trữ”) được nắm giữ bởi các NHTM và một số tổ chức tài chính khác tại NHTW để thực hiện thanh toán trong hệ thống thanh toán theo thời gian thực và ở Việt Nam, là thanh toán điện tử liên ngân hàng. Về bản chất, CBDC là tiền do NHTW phát hành dưới hình thức điện tử nhưng chỉ có các NH thành viên và một số định chế tài chính được phép tiếp cận với CBDC và hệ thống thanh toán của NHTW. Theo cách hiểu này, “tiền số của NHTW là nợ của NHTW, có mệnh giá như đơn vị tính toán

hiện hành, thực hiện hai chức năng phương tiện trao đổi và tích trữ giá trị”.

CBDC đang đề cập đến hiện nay mà một số NHTW dự định phát hành là loại tiền số mới ứng dụng công nghệ chuỗi khối (nền công nghệ sổ cái phân tán) mà các cá nhân, tổ chức phi NH sử dụng như một hình thức tiền pháp định. Khi đó, CBDC có thể được hiểu là tiền mật mã của quốc gia. Chính vì sự kết hợp giữa hình thức hiện hành và mới (trương lai) của CBDC, nên chúng tôi đưa ra định nghĩa về CBDC, theo đó, “Tiền số của NHTW là một hình thức số hóa của tiền NHTW nhưng khác biệt so với số dư trên tài khoản dự trữ hay thanh toán truyền thống” (Son, 2019).

CBDC có thể chuyển đổi tất cả các khía cạnh của việc trao đổi tiền tệ, vì CBDC có thể đóng vai trò là phương tiện trao đổi không tốn kém, phương tiện lưu giữ giá trị và ổn định, tất cả các chức năng này đều có lợi cho hộ gia đình và doanh nghiệp. NHTW sẽ phải đối mặt với những thách thức về kỹ thuật và vận hành đối với nhiệm vụ của chính sách tiền tệ cốt lõi. Lý do chính giải thích cho việc các NHTW cần phát hành CBDC: đảm bảo đủ tiền của NHTW cho công chúng; giảm chi phí in ấn, quản lý tiền mặt và ngăn chặn các phạm pháp; gia tăng hiệu lực của chính sách tiền tệ (CSTT); thúc đẩy tính cạnh tranh của hệ thống thanh toán (SCTRO, 2019).

Trên thực tế, loại tiền này mới chỉ có một số ít NHTW phát hành và tham gia vào cơ cấu các loại tiền là chưa nhiều.

2.3. Bitcoin

Sự phát triển của tiền số thực sự bùng nổ với sự ra đời của đồng tiền số, tiền thân là đồng Bitcoin. Trong giai đoạn cuối năm 2008 - đầu năm 2009, cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Điều này khiến nhiều quốc gia phải đối mặt với tình trạng lạm phát, lòng tin vào đồng tiền Chính phủ bị suy giảm, nhu cầu tìm kiếm những nơi đầu tư/ trú ẩn an toàn cho tài sản của người dân ngày một tăng cao.

Trong bối cảnh đó, vào tháng 11/2008, một bản thiết kế mô tả chi tiết về một loại tiền kỹ thuật số thế hệ mới mang tên

Bitcoin cùng hệ thống Bitcoin đã được đưa lên mạng Internet. Tới ngày 03/01/2009, Bitcoin đã chính thức được ra đời với sự xuất hiện của những đồng Bitcoin đầu tiên.

Bitcoin là một loại tiền kỹ thuật số/ tiền ảo, không có sự quản lý của cơ quan chức năng, do những người phát triển loại tiền này quản lý, được các thành viên của cộng đồng tiền số nhất định chấp nhận và sử dụng. Sau đó, do sự tiến hóa quá nhanh của loại hình tiền số và tình hình thực tế sử dụng, giám sát các loại tiền này tại một số quốc gia đã buộc NHTW Châu Âu điều chỉnh khái niệm về tiền số “tiền ảo là một sự thể hiện dưới giá trị số của giá trị, không do NHTW, tổ chức tín dụng hay tổ chức tiền điện tử phát hành và trong một số trường hợp, có thể sử dụng thay tiền”. Như vậy, theo quan điểm này, “Bitcoin thực chất là tiền số do khu vực tư nhân nghiên cứu phát hành và tự thỏa thuận sử dụng, lưu thông”.

Bitcoin được sử dụng giao dịch, trao đổi và thanh toán giữa các cá nhân, tổ chức chấp nhận đồng tiền này, thường được sử dụng trong phạm vi rộng, giữa các quốc gia. Nó là một loại tiền thành phần/ tổng phương tiện thanh toán của các quốc gia sử dụng đến nó.

3. Những tác động đến quản lý tiền tệ của NHTW trong điều kiện phát triển nền kinh tế số

Do trong nền kinh tế số lưu thông các loại tiền trên, nên nó tác động làm thay đổi cả bên cầu và bên cung tiền tệ của nền kinh tế. Về phía bên cầu, các thành phần cầu tiền thay đổi tỷ trọng và lưu thông tiền tệ có sự thay đổi, tốc độ lưu thông tiền tệ có thể nhanh hơn làm tác động đến nhu cầu tiền tệ cần thiết cho nền kinh tế. Về phía bên cung, làm thay đổi các thành phần cung tiền tệ - tỷ trọng cung ứng các loại tiền. Từ đó, NHTW phải điều hòa cung ứng tiền tệ và nhu cầu lưu thông các loại tiền cho phù hợp trong từng thời kỳ.

Từ sự phát hành, điều chỉnh các loại tiền, cơ cấu loại tiền lưu thông trong điều kiện phát triển nền kinh tế số, tác động đến quản lý tiền tệ của NHTW trên các mặt:

Một là, tác động đến việc xác định và ưu tiên các mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Việc điều chỉnh cơ cấu lưu thông các loại tiền không có tác động làm thay đổi mục tiêu về nội dung quản lý tiền tệ. Sự thống nhất về các mục tiêu quản lý hiệu quả lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng: Hỗ trợ phát triển kinh tế, ổn định sức mua đồng tiền, ổn định nền tài chính và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, trong một số bối cảnh, biến động cụ thể của nền kinh tế, mức độ ưu tiên các mục tiêu có thể được điều chỉnh phù hợp, nhưng ổn định sức mua đồng tiền vẫn là ưu tiên số một. Hàm lượng/ liều lượng điều chỉnh ưu tiên mục tiêu tùy thuộc vào diễn biến kinh tế - xã hội, khi đó, có sự hoán đổi nhất định vị trí các mục tiêu.

Hai là, tác động làm thay đổi cơ cấu lưu thông tiền tệ.

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, tiền kỹ thuật số đã dần thay thế một số chức năng của đồng tiền chính thống. Để có được ứng xử cần thiết, rõ ràng NHTW cần có nghiên cứu tác động và tính khả thi của tiền kỹ thuật số trên thị trường tài chính.

Nghiên cứu sử dụng kết hợp lý thuyết cầu tiền tệ chính thống tương ứng để đánh giá về ảnh hưởng của tiền điện tử đến số tiền lưu thông. Từ đó, có thể kết luận việc NHTW phát hành tiền kỹ thuật số - CBDC sẽ có những tác động đến sự biến đổi về cơ cấu tiền tệ trong lưu thông:

(i) Cần phân tích tác động của tiền điện tử đối với lượng tiền trong nền kinh tế. Tiếp theo, áp dụng phương pháp phân tích thực nghiệm để phân tích ảnh hưởng của Bitcoin và tiền điện tử với các cấp độ khác nhau (M0, M1, M2).

(ii) Phân tích cân bằng cục bộ về hiệu ứng thuế quan tại các quốc gia có nền kinh tế đóng và sử dụng tiền kỹ thuật số như là một loại hàng hóa để phân tích sự khác biệt trong mức phúc lợi xã hội khi chính phủ và công chúng đón nhận hoặc từ chối nó.

(iii) Bằng việc phân tích sự giám sát tiền kỹ thuật số trên thị trường toàn cầu, có thể đề xuất hệ thống điều tiết thị trường tài chính từ góc nhìn của quá trình tạo ra tiền kỹ thuật số, sau đó, đưa nó vào lưu thông

trên thị trường.

Ba là, tác động đến chính sách tiền tệ của NHTW.

- Tác động của đồng CBDC, chủ yếu đến từ đồng CBDC bán lẻ làm giảm vai trò của các trung gian tài chính và sẽ trực tiếp làm giảm hiệu quả chính sách tiền tệ. Sự tác động này trên 2 khía cạnh:

+ Khi đồng CBDC được đưa ra lưu thông dưới hình thức bán lẻ sẽ thực hiện chức năng như tiền mặt. Trong điều kiện kinh tế bình thường, các chủ thể kinh tế muốn giữ tiền của họ trong các tài khoản NH thay vì nắm giữ CBDC vì tiền gửi NH được chi trả lãi. Tuy nhiên, trong trường hợp có rủi ro bất ổn về kinh tế hoặc xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt khỏi hệ thống NH thì CBDC sẽ là một sự lựa chọn khác ngoài tiền mặt, vì CBDC được bảo đảm hoàn toàn bởi NHTW, không có nguy cơ mất giá và lưu trữ với số lượng lớn dễ dàng.

+ Khi đồng CBDC được chi trả lãi có tác động trực tiếp đến các chủ thể kinh tế và làm tăng hiệu quả của CSTT. Theo phương thức này, các chủ thể kinh tế có thể chuyển tiền từ NH sang CBDC, điều này có thể làm giảm tiền gửi tại các NH. Việc rút tiền gửi chuyển sang CBDC, có thể thúc đẩy các NH cạnh tranh tiền gửi và có thể làm tăng lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay.

- Tác động đối với CSTT sẽ là rất lớn, nếu CBDC được coi là một tài sản hấp dẫn. Nếu CBDC được trả lãi, điều này ảnh hưởng đến việc nắm giữ tài sản của nhà đầu tư. Khi CBDC chịu lãi có thể làm cho CSTT hiệu quả hơn vì việc thông qua thay đổi lãi suất.

Bốn là, tác động đến ổn định tài chính.

Khi CBDC được phát hành để đưa vào lưu thông sẽ tác động đến ổn định tài chính trên các mặt:

- Ổn định các định chế tài chính, CBDC cung cấp một loại tiền an toàn hơn cho các giao dịch và tiền gửi so với các giao dịch được giao dịch với một NH có rủi ro thương mại. Các NHTM không được hỗ trợ đầy đủ, bởi dự trữ như là một phần vai trò của họ trong việc cung cấp cho vay

và hoạt động thị trường. Những rủi ro này trở nên cao hơn trong cuộc khủng hoảng tài chính lớn khi mọi người chọn rút tiền từ tài khoản tiền gửi NHTM để giữ tiền mặt. CBDC sẽ cung cấp một lựa chọn rủi ro thấp hơn cho các DN, hộ gia đình có rủi ro.

- Thay đổi lượng cung CBDC, NHTW có thể tăng lượng cung ứng CBDC trong nền kinh tế bằng mua vào các tài sản tài chính phi NH hoặc từ các NHTM. Với hành động mua này làm cho bảng cân đối tài sản của NHTW được mở rộng, do tài sản mới (trái phiếu) khớp tương ứng với một khoản nợ mới (CBDC) với khu vực phi NH. Giao dịch này giống trường hợp NHTW thực hiện chính sách nới lỏng định lượng tiền tệ.

- Hoán chuyển giữa CBDC và tiền gửi, người gửi tiền có thể rút CBDC theo nhu cầu như rút giấy bạc NH của NHTW. Khi người gửi tiền rút CBDC khỏi tài khoản tiền gửi của mình thì NHTM ghi giảm số dư của người gửi tiền và chi trả CBDC qua tài khoản CBDC của người gửi tiền tại NHTW. Kết quả là bảng cân đối tài sản của NH bị giảm bởi số tiền rút ra, trong khi đó, đối với người gửi tiền chỉ đơn giản là chuyển đổi một tài sản (tiền gửi) cho một tài sản khác (CBDC) và không thay đổi chung về quy mô bảng cân đối tài sản của họ (Dũng & Hạng, 2020).

4. Nội dung quản lý tiền tệ của NHTW trong điều kiện phát triển nền kinh tế số

4.1. Phát hành và tổ chức lưu thông tiền tệ

Các loại tiền tệ mới ra đời làm thay đổi mục tiêu, phạm vi quản lý tiền tệ. Tiền điện tử thay thế tiền tệ truyền thống, tiền số có xu hướng sử dụng rộng rãi. NHTW phát hành và mở rộng tiền kỹ thuật số của bản thân họ - CBDC.

Với cơ chế phát hành và lưu thông tiền tệ như vậy, vai trò của các NHTM trong việc tạo tiền không còn giữ vị trí quan trọng nữa. Tiền tệ truyền thống được thay thế dần bằng CBDC (tiền kỹ thuật số của NHTW) và các loại tiền kỹ thuật số khác. Việc quản lý phát hành và lưu thông tiền tệ cũng có sự thay đổi đáng kể. Với CBDC, người gửi tiền cũng có thể sử dụng như tiền mặt truyền thống, nhưng giao

dịch thông qua mạng điện tử dưới hình thức tiền kỹ thuật số. Công nghệ mới này đòi hỏi việc quản lý và tổ chức lưu thông tiền tệ của NHTW tập trung nhiều vào việc xây dựng mạng lưới điện tử an toàn và bảo mật.

4.2. Hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ

Ở giai đoạn trước, việc hoạch định và thực thi CSTT thường được thông qua các công cụ truyền thống và phi truyền thống, đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng tài chính. Các công cụ CSTT phi truyền thống được sử dụng nhằm cung cấp thêm sự nới lỏng tiền tệ cho nền kinh tế trong bối cảnh các công cụ truyền thống không phát huy tác dụng. Các công cụ CSTT truyền thống là dự trữ bắt buộc, chính sách tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở, tỷ giá hối đoái, hạn mức tín dụng, lãi suất tín dụng. Còn các công cụ CSTT phi truyền thống có thể được phân loại dựa trên hai tiêu chí: mục tiêu (IMF, 2013) gồm hai nhóm: nhóm công cụ nhằm khôi phục chức năng thị trường tài chính và nhóm các công cụ nhằm nới lỏng CSTT hơn nữa tại mức lãi suất bằng không và loại hình công cụ (Mishkin F., 2013) gồm ba loại: công cụ cung cấp thanh khoản, công cụ mua tài sản, công cụ định hướng chính sách tương lai.

Khi có sự xuất hiện tiền kỹ thuật số, việc hoạch định các công cụ CSTT có nhiều thay đổi, chủ yếu tập trung vào tiền điện tử và tiền kỹ thuật số do NHTW phát hành (CBDC). Để quản lý tối ưu các loại tiền này, các NHTW cần chú ý chặt chẽ đến các mối quan hệ liên kết giữa các loại tiền mới và môi trường pháp lý phù hợp. Từ đó, sẽ đạt được sự cân bằng giữa đảm bảo sự đổi mới, duy trì sự ổn định và đạt được sự tín nhiệm của tiền tệ. Do vậy, một số biện pháp chính sách có thể sử dụng là:

(i). Duy trì niềm tin của công chúng đối với tiền tệ pháp định bằng cách cung cấp đơn vị tài khoản ổn định và phương tiện trao đổi hấp dẫn trong điều kiện phát triển kinh tế số.

(ii). Thiết lập hệ thống thanh toán hiệu quả hơn bằng cách phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán.

(iii). Thiết lập quy định phù hợp, mở ra sự cạnh tranh cho người chơi và công nghệ mới, trong khi duy trì các hoạt động của ngành tài chính truyền thống.

4.3. Đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc gia

Trong hầu hết các nền kinh tế hiện đại, tiền được cung cấp thông qua sự kết nối giữa NHTW và NHTM. Tiền gửi NH điện tử là phương tiện thanh toán chính giữa những người tiêu dùng cuối cùng, trong khi dự trữ của NHTW là phương tiện thanh toán giữa các NH. Do vậy, để phát triển thanh toán trong nền kinh tế số và tài chính số, NHTW cần phải: (1) Phát triển Cổng thanh toán quốc gia; (2) Tăng tốc điện tử hóa trong nền kinh tế; (3) Phát triển Fintech trong lĩnh vực hệ thống thanh toán.

Phát triển Fintech trong lĩnh vực thanh toán chính là sự phát triển các dịch vụ thanh toán sáng tạo, trong đó, đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán có thể là NH truyền thống hay các định chế tài chính phi NH, như các công ty Fintech. Phát triển Fintech giúp gia tăng số lượng người tham gia sử dụng dịch vụ tài chính và làm cho các giao dịch xuyên biên giới dễ dàng hơn. Điều này làm cho việc giám sát các giao dịch thanh toán trở nên phức tạp hơn đối với cơ quan quản lý. Và đòi hỏi các cơ quan quản lý phải đánh giá lại các mô hình và nguồn lực giám sát hiện tại của mình để đảm bảo cho việc giám sát được hiệu quả.

Về mặt quản lý nhà nước trong thanh toán, hai mục tiêu hàng đầu của NHTW là sự an toàn và tính hiệu quả của hệ thống thanh toán. Do vậy, để quản lý các trung gian thanh toán, NHTW phải yêu cầu các tổ chức thanh toán phi NH phải có địa vị pháp lý hoặc giấy phép liên quan đến dịch vụ thanh toán mà họ cung cấp. Bên cạnh đó, việc bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư của khách hàng phải được NHTW đặc biệt quan tâm và có những quy định cụ thể. Đồng thời, NHTW cần quản lý mã hóa để phòng tránh việc lách luật, phòng chống rửa tiền và tội phạm khủng bố (Thủ tướng Chính phủ, 2020a).

4.4. Đảm bảo an ninh tiền tệ

Nền kinh tế số nói chung và tiền kỹ thuật số nói riêng là một lĩnh vực còn rất mới mẻ, hấp dẫn và cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong điều kiện nền kinh tế số, khi tiền kỹ thuật số được coi là đồng tiền toàn cầu thì cần có quy định pháp lý đồng bộ giữa các nước trên thế giới, những chính sách mang tính toàn cầu. Khi đó, vai trò của các tổ chức như IMF, BIS, Ủy ban Basel về giám sát NH, Hội đồng ổn định tài chính và đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền là vô cùng quan trọng trong việc triển khai cơ chế pháp lý gợi ý cho các quốc gia.

Bên cạnh đó, an ninh tiền tệ quốc gia là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, bảo vệ quyền và lợi ích của khách hàng, góp phần phát triển kinh tế. An ninh tiền tệ còn được biểu hiện qua việc bảo vệ giá trị đồng nội tệ về mặt đối nội và đối ngoại, bảo đảm dự trữ ngoại hối quốc gia, chống các hoạt động làm tiền giả, thẻ tín dụng giả, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố thông qua tham nhũng, trốn thuế, phục vụ mục đích chiến tranh, v.v..

Để thực hiện được mục tiêu này, cơ quan điều hành thiết lập một hệ thống các quy định pháp lý, các chính sách để đảm bảo duy trì an ninh, an toàn tiền tệ trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc khu vực, thậm chí trên toàn thế giới (Bộ Công thương, 2019).

5. Giải pháp đổi mới quản lý tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gắn với phát triển nền kinh tế số

Ngày 21/8/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1255/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án hoàn thiện khung pháp lý để quản lý, xử lý đối với các loại tài sản ảo, tiền điện tử, tiền mã hóa” và cùng với nhiều văn bản pháp lý khác có liên quan. Cho nên, các lĩnh vực, các ngành của nền kinh tế nước ta đang triển khai mạnh mẽ ứng dụng kỹ thuật số. Ngân hàng là ngành đi đầu ứng dụng kỹ thuật số trong quản lý và giao dịch của toàn hệ thống. Do vậy, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cần có những giải pháp đổi mới, tích cực trong công tác quản lý tiền tệ để theo kịp với chuyển đổi số của toàn bộ nền kinh tế (Thủ tướng Chính phủ, 2020a).

5.1. Giải pháp đổi mới phát hành và tổ chức lưu thông tiền tệ

(i) Chuẩn bị cơ sở pháp lý

Phát hành CBDC là vấn đề còn rất mới và chưa có tiền lệ, đặt ra nhiều thách thức trong thiết kế, phát hành, quản lý và giám sát. Vì vậy, Việt Nam cần sớm đẩy nhanh quá trình nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến CBDC, trong đó, làm rõ định nghĩa, phân loại, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với CBDC cũng như làm rõ vai trò của NHTW trong phát hành, quản lý và giám sát CBDC, đồng thời, xây dựng khung thể chế thử nghiệm CBDC và áp dụng thí điểm tại một số khu vực địa lý xác định.

Việt Nam, trong thời gian tới, cần có Luật về tiền điện tử, tiền kỹ thuật số để đáp ứng định hướng và khuyến khích phát triển hợp pháp ở Việt Nam.

(ii) Hoàn thiện các điều kiện quản lý phát hành và tổ chức lưu thông tiền tệ

Công nghệ lõi trong tổ chức, giám sát việc lưu thông các loại tiền dựa trên công nghệ là điều kiện quyết định cho tính khả thi trong việc tiếp tục mở rộng và phát triển các loại tiền điện tử và tiền kỹ thuật số (qua các định chế tài chính, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán). Trên cơ sở đánh giá thực tiễn, dự báo bối cảnh và kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi đề xuất: Việt Nam sử dụng và làm chủ công nghệ Blockchain theo liên kết nhóm và ứng dụng công nghệ sổ cái phân tán (DLT) trong giai đoạn đầu chuyển đổi số.

(iii) Triển khai các công việc tiếp cận và ứng dụng hiệu quả CBDC

Triển khai các cơ chế cấp phép, giám sát các loại tiền điện tử, nghiên cứu về các loại CBDC trực tiếp ảnh hưởng đến Việt Nam nhất là về thương mại, an ninh, an toàn. Trước mắt, cần tập trung chuẩn bị các điều kiện bảo đảm hạ tầng phát triển và kiểm soát tiền điện tử, năng lực kết nối quốc tế với các hệ thống CBDC bán buôn, cơ chế cấp phép, giám sát các loại tiền điện tử và các quan hệ giao dịch liên quan ở Việt Nam.

NHNN Việt Nam cần chủ động phối hợp với NHTW các nước, các tổ chức quốc

tế nhằm chuẩn hóa các vấn đề liên quan đến tiền kỹ thuật số nói chung và tiền kỹ thuật số do NHTW phát hành nói riêng. Cần có sự phối hợp chặt chẽ và tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, chống trốn thuế, cơ chế lưu trữ và bảo mật thông tin liên quan đến giao dịch tiền kỹ thuật số. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả giám sát các hoạt động thanh toán quốc tế.

5.2. Giải pháp đổi mới hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ

Mục tiêu của giải pháp: NHNN chuẩn bị có đủ năng lực thích ứng, kiểm soát cung và cầu tiền dựa trên nền tảng công nghệ số, ngay cả khi áp dụng CBDC nước ngoài và Việt Nam. Các công cụ trung gian được sử dụng hợp lý, mục tiêu ổn định giá trị tiền tệ (bao gồm cả CBDC) được bảo đảm, góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số của Việt Nam.

Nội dung giải pháp này cần triển khai:

- Hạn chế các biện pháp hành chính trong điều hành lãi suất, hướng tới sử dụng các công cụ gián tiếp trong điều hành CSTT và tự do hóa hoàn toàn lãi suất.

- Nâng cao tính độc lập, nguồn lực hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.

- Đổi mới công tác điều hành CSTT linh hoạt hơn và chủ động tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý tiền kỹ thuật số.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa thông tin của CSTT.

5.3. Đổi mới quản lý thanh toán quốc gia

Mục tiêu của giải pháp: Các nền tảng thanh toán điện tử bảo đảm kết nối các ngành/ lĩnh vực và với tất cả người dân của cả nước, các trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán được quản lý và cạnh tranh lành mạnh, an toàn. Thanh toán sử dụng tiền mặt chiếm dưới 3% trong giá trị giao dịch kinh tế, các hệ thống thanh toán xuyên quốc gia được vận hành tin cậy tại Việt Nam.

Các nội dung triển khai:

- Hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về hoạt động thanh toán, cần có các hành lang pháp lý mang tính chung nhất, có khả năng điều tiết rộng, mang tính nguyên tắc để đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sẽ

không bị vi phạm ảnh hưởng đến tính ổn định và hiệu quả của hệ thống thanh toán.

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý đối với lĩnh vực thanh toán, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng đối với các hoạt động thanh toán trong bối cảnh nền kinh tế số là một trong những giải pháp cấp thiết và cần thực hiện theo các nội dung: (1) Rà soát, bổ sung hoàn thiện khuôn khổ các lĩnh vực cho các hoạt động thanh toán; (2) Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực thanh toán.

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia mang tính nền tảng.

- Xây dựng và thúc đẩy phát triển hệ sinh thái số trong lĩnh vực thanh toán (Thủ tướng Chính phủ, 2020b).

5.4. Đổi mới quản lý ngoại hối

Mục tiêu của giải pháp: Bảo đảm thu hút ngoại tệ truyền thống và điện tử phục vụ phát triển đất nước. Bảo đảm năng lực kiểm soát toàn bộ giao dịch vốn của tổ chức và cá nhân về ngoại hối trong điều kiện ứng dụng mạnh mẽ giao dịch số - điện tử.

Nội dung của giải pháp:

- Đảm bảo sự phối hợp nhất quán, đồng bộ và tính liên ngành trong xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến kinh tế số và tài chính - ngân hàng số, trong đó, có quản lý ngoại hối giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

- Công nhận có chọn lọc và có lộ trình một số tài sản kỹ thuật số ở Việt Nam, đảm bảo hội nhập quốc tế về số và quản lý ngoại hối trong nền kinh tế số.

- Phối hợp liên ngành trong xây dựng khung pháp luật về ngân hàng số và quốc gia số gắn với tài chính số và quản lý ngoại hối số.

5.5. Đổi mới đảm bảo an ninh tiền tệ

Mục tiêu của giải pháp: Bảo đảm an toàn tài chính cho người dân trong môi trường chuyển đổi số. Hạn chế các cú sốc từ các định chế tài chính, thị trường tài chính. Đủ năng lực ngăn chặn các hành vi ảnh hưởng tiêu cực đến đảm bảo an ninh tiền tệ trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Nội dung giải pháp:

- Cơ quan Thanh tra, Quản lý, Giám sát tổ chức tín dụng cần tích cực xây dựng và trình các cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra.

- Giải pháp về đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý tiền tệ - ngân hàng. Đó là, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ và tiên tiến để phục vụ cho hiện đại hóa công nghệ thanh tra, giám sát NH, bao gồm phần cứng, phần mềm ứng dụng và năng lực cán bộ công nghệ thông tin. Đây là cơ sở và nền tảng cho việc áp dụng các công cụ định lượng trong hoạt động giám sát NH.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp công tác, chia sẻ thông tin giữa NHNN và các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan chức

năng trong việc phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng (Bộ Công thương, 2019).

6. Kết luận

Qua nội dung nghiên cứu và trình bày trên cho thấy, trong nền kinh tế số của các quốc gia lưu thông nhiều loại tiền, làm thay đổi những tác động và nội dung quản lý tiền tệ của NHTW. Việc nghiên cứu và phát hành CBDC là một quá trình dài, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng giữa đổi mới công nghệ và ổn định tài chính. Các NHTW trên thế giới đang tiếp cận theo lộ trình từng bước, từ nghiên cứu, thử nghiệm đến triển khai thực tế. Việt Nam là nước tiếp cận với nền kinh tế số khá sớm, nên NHNN cần sớm triển khai việc nghiên cứu CBDC để có các giải pháp quản lý tiền tệ kịp thời và có hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công thương. (2019). *Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2019*.
- Dũng, P. N., & Hạng, D. X. (2020). *Giáo trình “Tài chính – Tiền tệ”*. Nxb Tài chính. Hà Nội.
- Đình, X. H., & Bầy, N. V. (2015). *Giáo trình “Quản lý tiền tệ của NHTW”*. Nxb Tài chính. Hà Nội.
- SCTRO. (2019). *Tương lai nền kinh tế số Việt Nam hướng tới năm 2030 và 2045*.
- Son, T. H. (2019). “Bàn về khả năng phát hành tiền kỹ thuật số của Việt Nam”. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2020a). *Quyết định 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2020b). *Chỉ thị 01/CT-TTg về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số ở Việt Nam*.